

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đối tượng và kinh phí trợ cấp một lần cho người tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm - pu - chi - a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Quyết định số 1684/QĐ-LĐTBXH ngày 08/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 3970/SLĐTBXH-NCC ngày 09 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đối tượng và kinh phí thực hiện trợ cấp một lần cho người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm- Pu-Chi-a, giúp bạn Lào theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ với các nội dung sau:

1. Tổng số đối tượng là: 259 người, với tổng kinh phí: 1.186.500.000 đồng (*Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn*). Trong đó:
 - Đối tượng hiện còn sống đủ điều kiện được hưởng trợ cấp một lần:
 - + Số đối tượng: 246 người.
 - + Số tiền: 1.139.700.000 đồng.
 - Thân nhân của đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào đã trù trần hưởng trợ cấp một lần:
 - + Số đối tượng: 13 người.
 - + Số tiền: 46.800.000 đồng.

(chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Nguồn kinh phí: Theo Quyết định số 1684/QĐ-LĐTBXH ngày 08/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016 thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện phê duyệt số đối tượng và phân bổ dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 1684/QĐ-LĐTBXH ngày 08/12/2016; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức việc chi trả chế độ trợ cấp một lần cho các đối tượng theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

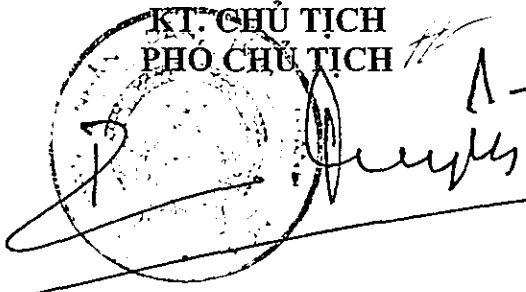
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp một lần kịp thời, đúng đối tượng và định mức theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Bộ Lao động - TBXH (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX.NCC124


Phạm Đăng Quyền

Phụ lục 1: Tổng hợp đối tượng và kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp cho đối tượng tham gia chiến tranh hào
vệ Tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế ở Cẩm Pu-Chia, giúp hạn Lào sau 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc
Theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg và Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BLĐTBXH-BQP-BTC
(Kèm theo Quyết định số: 4865 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Đơn vị	Đối tượng và kinh phí thực hiện chế độ do ngân sách Trung ương đảm nhận					
		Tổng số		Đối tượng hiện còn sống		Thân nhân ĐT đã từ trần	
		Người	Kinh phí (đ)	Người	Kinh phí (đ)	Người	Kinh phí (đ)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	TP Thanh Hóa	26	132.300.000	23	121.500.000	3	10.800.000
2	Triệu Sơn	67	345.800.000	63	331.400.000	4	14.400.000
3	Cẩm Thủy	3	19.100.000	3	19.100.000	0	-
4	Tĩnh Gia	3	10.300.000	3	10.300.000	0	-
5	TX Sầm Sơn	16	63.600.000	16	63.600.000	0	-
6	Quảng Xương	24	116.000.000	24	116.000.000	0	-
7	Hoàng Hóa	27	103.700.000	25	96.500.000	2	7.200.000
8	Thọ Xuân	27	162.500.000	25	155.300.000	2	7.200.000
9	Đông Sơn	6	35.800.000	6	35.800.000	0	-
10	Vĩnh Lộc	2	6.600.000	2	6.600.000	0	-
11	Hậu Lộc	22	66.400.000	20	59.200.000	2	7.200.000
12	Nông Cống	29	97.300.000	29	97.300.000	0	-
13	Lang Chánh	1	4.500.000	1	4.500.000	0	-
14	Quan Sơn	1	3.300.000	1	3.300.000	0	-
15	Thiệu Hóa	2	8.600.000	2	8.600.000	0	-
16	Ngọc Lặc	3	10.700.000	3	10.700.000	0	-
	Cộng	259	1.186.500.000	246	1.139.700.000	13	46.800.000

**Phụ lục 2: Danh sách đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế
được hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg**

(Kèm theo Quyết định số 4865/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Thành phố Thanh Hóa							
1	Nguyễn Xuân Trường	1949	P. Nam Ngạn	13 năm 7 tháng	12.100.000			
2	Nguyễn Thị Kỳ	1962	P. Nam Ngạn	1 năm	2.500.000			
3	Trương Thị Trí	1960	Xã Quảng Thành	3 năm	3.300.000			
4	Nguyễn Doãn Hùng	1958	Xã Quảng Phú	4 năm	4.100.000			
5	Đào Duy Đông	1970	P. Ngọc Trạo	1 năm 3 tháng	2.500.000			
6	Nguyễn Sỹ Thế	1950	P. Quảng Thành	4 năm	4.100.000			
7	Lê Thanh Tông	1954	P. Đông Cương	5 năm 1 tháng	5.300.000			
8	Hoàng Thị Tuyết	1963	P. Ba Đình	5 năm	4.900.000			
9	Phạm Thị Mừng	1963	Xã Đông Tân	2 năm	2.500.000			
10	Lại Như Ngọc	1963	Xã Đông Tân	2 năm	2.500.000			
11	Nguyễn Hữu Đô	1950	P. Đông Vệ	13 năm	11.300.000			
12	Trương Hải Thành	1963	P. Lam Sơn	3 năm	3.300.000			
13	Trang Công Sơn	1953	P. Đông Vệ	13 năm	11.300.000			
14	Lưu Đình Vinh	1958	Xã Hoằng Quang	13 năm	11.300.000			
15	Lê Khắc Sang	Chết	Xã Hoằng Quang		3.600.000	Nguyễn Thị Lợi	Vợ	1964
16	Lê Ngọc Song	Chết	Xã Đông Cương		3.600.000	Nguyễn Thị Thúy	Vợ	1966
17	Nguyễn Quang Khắc	Chết	Xã Quảng Cát		3.600.000	Trần Thị Dậu	Vợ	1956
18	Nguyễn Quốc Bình	1964	P. Đông Thọ	4 năm 4 tháng	4.500.000			
19	Nguyễn Thị Đức	1954	Xã Đông Tân	8 năm 6 tháng	8.100.000			
20	Nguyễn Thị Chiên	1955	Xã Đông Tân	4 năm 10 tháng	4.900.000			
21	Vũ Thị Liên	1953	P. Đông Sơn	3 năm 8 tháng	4.100.000			
22	Trần Xuân Lập	1962	P. Đông Thọ	3 năm 6 tháng	4.100.000			
23	Nguyễn Thị Mai	1960	Xã Thiệu Văn	2 năm 10 tháng	3.300.000			
24	Lê Trần Hợp	1960	Xã Hoằng Đại	3 năm 1 tháng	3.700.000			
25	Cao Huy Hùng	1953	P. Đông Sơn	4 năm	4.100.000			

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
26	Lê Mạnh Hùng	1964	P. Nam Ngạn	3 năm 5 tháng	3.700.000			
	Cộng				132.300.000			
2	Huyện Triệu Sơn							
1	Hà Thị Hoàn	1955	Xã Hợp Tiến	05 năm 01 tháng	5.300.000			
2	Nguyễn Thị Gọn	1963	Xã Đồng Tiến	05 năm 05 tháng	5.300.000			
3	Ngô Thị Khản	1956	Xã Đồng Tiến	09 năm 02 tháng	8.500.000			
4	Lê Kim Niên	1962	Xã Vân Sơn	04 năm 01 tháng	4.500.000			
5	Lê Văn Lim	1958	Xã Vân Sơn	03 năm 05 tháng	3.700.000			
6	Lê Bất Cường	1957	Xã Tân Ninh	09 năm 05 tháng	8.500.000			
7	Nguyễn Thị Nhân	1952	Xã Tân Ninh	04 năm 00 tháng	4.100.000			
8	Hà Đình Thảo	1963	Xã Tân Ninh	04 năm 09 tháng	4.900.000			
9	Lê Xuân Chung	1952	Xã Dân Quyền	06 năm 04 tháng	6.100.000			
10	Lê Trọng Cử	1960	Xã Dân Quyền	02 năm 08 tháng	3.300.000			
11	Vũ Thị Phương	1960	Xã Khuyến Nông	03 năm 02 tháng	3.700.000			
12	Đào Thị Điền	1958	Xã Hợp Lý	02 năm 06 tháng	3.300.000			
13	Nguyễn Tài Công	1958	Xã Hợp Lý	04 năm 02 tháng	4.500.000			
14	Lai Thị Thủy	1959	Xã Hợp Thành	02 năm 07 tháng	3.300.000			
15	Lê Trọng Lý	1957	Xã Tiên Nông	08 năm 06 tháng	8.100.000			
16	Nguyễn Trọng Tập	1956	Xã Đồng Thắng	08 tháng 09 tháng	6.100.000			
17	Lê Đình Khang	1962	Xã Thọ Tân	03 năm 10 tháng	4.100.000			
18	Đào Hữu Vọng	1959	Xã Tiên Nông	09 năm 02 tháng	8.500.000			
19	Hoàng Thị Đào	1957	Xã Tiên Nông	09 năm 11 tháng	8.900.000			
20	Nguyễn Thị Hiệp	1957	Xã Tiên Nông	09 năm 11 tháng	8.900.000			
21	Nguyễn Văn Cường	1963	Xã Tiên Nông	06 năm 03 tháng	6.100.000			
22	Trình Duy Hiệp	1959	Thị trấn Triệu Sơn	03 năm 03 tháng	3.700.000			
23	Lê Hữu Trạch	1963	Xã Hợp Lý	05 năm 11 tháng	5.700.000			
24	Đào Xuân Huyền	1964	Xã An Nông	03 năm 11 tháng	4.100.000			
25	Lê Văn Dũng	1965	Xã Bình Sơn	03 năm 06 tháng	4.100.000			
26	Lê Thị Châm	1957	Xã Đồng Lợi	06 năm 09 tháng	6.500.000			
27	Lã Thị Lâm	1964	Xã Đồng Lợi	04 năm 05 tháng	4.500.000			

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
29	Lê Thị Thủy	1961	Xã Thọ Tiến	03 năm 02 tháng	3.700.000			
30	Mai Xuân Ninh	1960	Xã Thọ Tiến	02 năm 09 tháng	3.300.000			
31	Vũ Văn Thịnh	1960	Xã Thọ Tiến	02 năm 07 tháng	3.300.000			
32	Lê Thị Nhàng	1960	Xã Khuyến Nông	05 năm 07 tháng	5.700.000			
33	Phan Đình Sơn	1953	Xã Thọ Dân	06 năm 05 tháng	6.100.000			
34	Lê Sỹ Ngọc	1957	Xã Thọ Dân	04 năm 04 tháng	4.500.000			
35	Lê Văn Quý	1959	Xã Thọ Dân	02 năm 11 tháng	3.300.000			
36	Tổng Thị Chính	1957	Xã Dân Lực	07 năm 06 tháng	7.300.000			
37	Nguyễn Thị Dân	1963	Xã Dân Lực	02 năm 08 tháng	3.300.000			
38	Trịnh Đình Tuấn	Chết	Xã Tân Ninh		3.600.000	Nguyễn Thị Phương	Vợ	1973
39	Nguyễn Đăng Tài	Chết	Xã Thọ Tân		3.600.000	Lê Thị Bắc	Vợ	1959
40	Lê Đình Nhất	Chết	Xã Hợp Thành		3.600.000	Lại Thị Thúy	Vợ	1959
41	Trịnh Thị Thắm	Chết	Xã Thọ Tân		3.600.000	Trịnh Thanh Cảnh	con	1992
42	Nguyễn Đình Mao	1959	Xã Đồng Lợi	01 năm 01 tháng	2.500.000			
43	Lê Ích Rào	1956	Xã An Nông	05 năm 09 tháng	5.700.000			
44	Lê Thị Hoa	1966	Xã Dân Quyền	02 năm 11 tháng	3.300.000			
45	Hoàng Kim Hào	1957	Xã Khuyến Nông	02 năm 02 tháng	2.900.000			
46	Nguyễn Thị Thanh	1960	Xã Thọ Tiến	07 năm 7 tháng	7.300.000			
47	Vũ Đình Dụ	1963	Xã Đồng Lợi	04 năm 11 tháng	4.900.000			
48	Đặng Thị Hưng	1960	Xã Đồng Lợi	04 năm 8 tháng	4.900.000			
49	Lê Văn Loan	1959	Xã Thọ Dân	04 năm 07 tháng	4.900.000			
50	Lê Xuân Hưng	1964	Xã Xuân Thịnh	02 năm 8 tháng	3.300.000			
51	Trịnh Thị Vinh	1959	Xã Triệu Thành	02 năm 6 tháng	3.300.000			
52	Lê Đình Hải	1958	Xã Triệu Thành	05 năm 02 tháng	5.300.000			
53	Đàm Duy Lộc	1963	Xã Thọ Tân	03 năm 04 tháng	3.700.000			
54	Hoàng Văn Bông	1946	Xã An Nông	08 năm 06 tháng	8.100.000			
55	Trịnh Xuân Diệp	1965	Xã Thọ Tiến	05 năm 06 tháng	5.700.000			
56	Lê Thị Nga	1946	Xã Thọ Dân	07 năm 7 tháng	7.300.000			
57	Lê Thị Minh	1960	Xã Thọ Tiến	06 năm 03 tháng	6.100.000			
58	Đoàn Thị Phiến	1963	Xã Thọ Tiến	04 năm 11 tháng	4.900.000			

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
59	Lê Thị Hoa	1965	Xã Thọ Tiến	03 năm 08 tháng	4.100.000			
60	Đoàn Việt Thông	1952	Xã Nông Trường	12 năm 4 tháng	10.900.000			
61	Nguyễn Đăng Bảo	1953	Xã Nông Trường	06 năm 01 tháng	6.100.000			
62	Triều Thị Lộc	1957	Xã Thọ Tiến	07 năm 7 tháng	7.300.000			
63	Lê Thị Lộc	1957	Xã Xuân Thọ	03 năm 6 tháng	4.100.000			
64	Nguyễn Tài Hạnh	1945	Xã Đồng Tiến	08 năm 7 tháng	8.100.000			
65	Lê Thị Thuận	1959	Xã Thọ Tiến	06 năm 4 tháng	6.100.000			
66	Nguyễn Thị Hậu	1963	Xã Thọ Tiến	05 năm 8 tháng	5.700.000			
67	Lê Thị Thơm	1957	Xã Thọ Tiến	06 năm 4 tháng	6.100.000			
	Cộng				345.800.000			
3	Huyện Tĩnh Gia							
1	Lê Văn Thòa	1961	Xã Trường Lâm	3 năm 3 tháng	3.700.000			
2	Nguyễn Thị Vê	1958	Xã Hùng Sơn	4 năm	4.100.000			
3	Nguyễn Thị Lộc	1955	Xã Hải Ninh	2 năm	2.500.000			
	Cộng				10.300.000			
4	Thị xã Sầm Sơn							
1	Nguyễn Sỹ Tường	1958	Xã Quảng Cư	1 năm	2.500.000			
2	Nguyễn Hữu Cử	1958	Xã Quảng Cư	4 năm 3 tháng	4.500.000			
3	Trương Thị Thảo	1959	Xã Quảng Cư	3 năm	3.300.000			
4	Lê Văn Mía	1956	Xã Quảng Cư	3 năm	3.300.000			
5	Trịnh Thị Tĩnh	1959	Xã Quảng Cư	3 năm	3.300.000			
6	Lê Đức Luận	1956	Xã Quảng Cư	6 năm 01 tháng	6.100.000			
7	Trần Ngọc Hiền	1948	Xã Quảng Cư	3 năm 4 tháng	3.700.000			
8	Vũ Thị Chấn	1958	Xã Quảng Cư	4 năm	4.100.000			
9	Vũ Thị Nghĩa	1956	Xã Quảng Cư	7 năm	6.500.000			
10	Lường Văn Đậu	1958	Xã Quảng Cư	2 năm	2.500.000			
11	Ngô Thị Báu	1958	Xã Quảng Cư	4 năm	4.100.000			
12	Trương Thị Nguyễn	1959	Xã Quảng Cư	4 năm	4.100.000			
13	Trần Thị Tuyết	1958	Xã Quảng Cư	5 năm	4.900.000			
14	Trần Thị Xuân	1956	Xã Quảng Cư	4 năm 1 tháng	4.500.000			

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
15	Vũ Thị Tròn	1957	Xã Quảng Tiến	2 năm 1 tháng	2.900.000			
16	Nguyễn Xuân Tuấn	1965	Xã Quảng Châu	3 năm	3.300.000			
	Cộng				63.600.000			
5	Huyện Quảng Xương							
1	Đỗ Thị Hà	1958	Xã Quảng Trường	1 năm 7 tháng	2.500.000			
2	Nguyễn Văn Tuấn	1967	Xã Quảng Trường	4 năm 1 tháng	4.500.000			
3	Hoàng Hữu Đường	1965	Xã Quảng Yên	3 năm 10 tháng	4.100.000			
4	Lê Đức Huệ	1958	Xã Quảng Yên	7 năm 9 tháng	7.300.000			
5	Trịnh Thị Hương	1957	Xã Quảng Yên	7 năm 9 tháng	7.300.000			
6	Nguyễn Văn Phúc	1957	Xã Quảng Yên	7 năm 9 tháng	7.300.000			
7	Phạm Văn Phụng	1958	Xã Quảng Đức	4 năm 7 tháng	4.900.000			
8	Phạm Trọng Mọc	1958	Xã Quảng Đức	4 năm 7 tháng	4.900.000			
9	Lưu Đình Bình	1964	Xã Quảng Văn	3 năm 8 tháng	4.100.000			
10	Cao Văn Tuấn	1960	Xã Quảng Thái	3 năm	3.300.000			
11	Cao Văn Đức	1961	Xã Quảng Thái	1 năm	2.500.000			
12	Lê Ngọc Quyên	1960	Xã Quảng Thái	3 năm	3.300.000			
13	Tô Mộng Thời	1957	Xã Quảng Thái	3 năm 8 tháng	4.100.000			
14	Lê Thị Tám	1962	Xã Quảng Thái	2 năm 3 tháng	2.900.000			
15	Đặng Văn Dưỡng	1948	Xã Quảng Trạch	12 năm 9 tháng	11.300.000			
16	Phùng Văn Trang	1966	Xã Quảng Trạch	3 năm	3.300.000			
17	Phùng Văn Tự	1965	Xã Quảng Trạch	5 năm 1 tháng	5.300.000			
18	Phùng Văn Hà	1958	Xã Quảng Trạch	8 năm 6 tháng	8.100.000			
19	Ngô Thị Bền	1955	Xã Quảng Trạch	4 năm 3 tháng	4.500.000			
20	Bùi Thị Mai	1961	Xã Quảng Trạch	5 năm	4.900.000			
21	Đỗ Thị Châu	1958	Xã Quảng Ngọc	4 năm 10 tháng	4.900.000			
22	Nguyễn Văn Tài	1953	Xã Quảng Ngọc	4 năm	4.100.000			
23	Lê Đình Trang	1964	Xã Quảng Khê	4 năm	4.100.000			
24	Lê Thị Cúc	1962	Xã Quảng Khê	2 năm	2.500.000			
	Cộng				116.000.000			
6	Huyện Hoàng Hóa							

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1		3	4	5	6	7	8	9
1	Lê Thế Ninh	1960	Xã Hoàng Phúc	3 năm	3.300.000			
2	Lê Thị Hiền	1963	Xã Hoàng Lưu	5 năm	4.900.000			
3	Lê Thị Như	1964	Xã Hoàng Lưu	5 năm	4.900.000			
4	Lê Thị Yên	1951	Xã Hoàng Hải	2 năm 7 tháng	3.300.000			
5	Lê Thị Biện	1951	Xã Hoàng Hải	1 năm 2 tháng	2.500.000			
6	Lê Thị Thành	1959	Xã Hoàng Lưu	4 năm 8 tháng	4.900.000			
7	Lê Thị Thủy	1962	Xã Hoàng Lưu	4 năm 5 tháng	4.500.000			
8	Hoàng Thị Ngọc	1954	Xã Hoàng Thắng	3 năm 6 tháng	4.100.000			
9	Lê Trọng Dân	1951	Xã Hoàng Thắng	3 năm 6 tháng	4.100.000			
10	Hoàng Thị Tiệp	1960	Xã Hoàng Lưu	4 năm 5 tháng	4.500.000			
11	Trần Thị Dong	1960	Xã Hoàng Thắng	3 năm 02 tháng	3.700.000			
12	Lê Đình Nguyên	1958	Xã Hoàng Châu	4 năm 5 tháng	4.500.000			
13	Lê Đình Hai	1946	Xã Hoàng Phong	2 năm 4 tháng	2.900.000			
14	Nguyễn Thị Vệ	1962	Xã Hoàng Phong	2 năm 5 tháng	2.900.000			
15	Lê Văn Ngọc	1960	Xã Hoàng Phong	3 năm	3.300.000			
16	Lương Mạnh Hiền	1964	Xã Hoàng Phong	2 năm 5 tháng	2.900.000			
17	Đỗ Thị Hoa	1954	Xã Hoàng Yên	1 năm	2.500.000			
18	Nhữ Thị Ngà	1959	Xã Hoàng Đức	3 năm 3 tháng	3.700.000			
19	Trương Phú Thành	1966	Xã Hoàng Yên	3 năm 8 tháng	4.100.000			
20	Nguyễn Văn Trương	Chết	Xã Hoàng Châu		3.600.000	Lê Thị Trâm	Vợ	1959
21	Nguyễn Thị Thịnh	Chết	Xã Hoàng Châu		3.600.000	Lê Hồng Ánh	Chồng	
22	Trịnh Xuân Hương	1963	Xã Hoàng Sơn	4 năm 2 tháng	4.500.000			
23	Nguyễn Thành Đông	1962	Xã Hoàng Sơn	4 năm	4.100.000			
24	Lê Văn Cảnh	1959	Xã Hoàng Sơn	4 năm 01 tháng	4.500.000			
25	Chu Văn Long	1952	Xã Hoàng Đạo	4 năm 3 tháng	4.500.000			
26	Lê Thị Đạt	1958	Xã Hoàng Thắng	3 năm 5 tháng	3.700.000			
27	Nguyễn Huy Thảo	1961	Xã Hoàng Thắng	3 năm 2 tháng	3.700.000			
	Cộng				103.700.000			
7	Huyện Thọ Xuân							
1	Nguyễn Thị Vóc	1948	Xã Thọ Nguyên	4 năm 9 tháng	4.900.000			

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Lê Ngọc Chính	1962	Xã Thọ Nguyên	6 năm 8 tháng	6.500.000			
3	Lê Thị Văn	1962	Xã Thọ Nguyên	6 năm 8 tháng	6.500.000			
4	Lê Thị Thuyết	1962	Xã Thọ Nguyên	6 năm 8 tháng	6.500.000			
5	Lý Đình Lập	1956	Xã Thọ Nguyên	1 năm	2.500.000			
6	Lê Văn Chính	1963	Xã Thọ Nguyên	4 năm 11 tháng	4.900.000			
7	Lê Thị Hoa	1960	Xã Thọ Nguyên	6 năm 8 tháng	6.500.000			
8	Lê Thị Liên	1962	Xã Thọ Nguyên	6 năm 8 tháng	6.500.000			
9	Lê Thị Bình	1958	Xã Bắc Lương	9 năm 3 tháng	8.500.000			
10	Lê Thị Thu	1958	Xã Bắc Lương	9 năm 3 tháng	8.500.000			
11	Trình Khắc Túc	1940	Xã Bắc Lương	13 năm 4 tháng	12.900.000			
12	Nguyễn Thị Sử	1951	Xã Bắc Lương	8 năm 3 tháng	8.900.000			
13	Vũ Văn Thành	1959	Xã Thọ Lập	2 năm	2.500.000			
14	Nguyễn Khánh Hoàng	1943	Xã Quảng Phú	11 năm 4 tháng	10.500.000			
15	Lại Đức Luân	1944	Xã Quảng Phú	11 năm 4 tháng	10.500.000			
16	Tổng Văn Lan	1958	Xã Xuân Bái	7 năm 1 tháng	6.900.000			
17	Lê Thanh Bình	1957	Xã Thọ Xương	3 năm 7 tháng	4.100.000			
18	Đỗ Thị Tiến	1956	Xã Hạnh Phúc	4 năm 8 tháng	4.900.000			
19	Lê Thị Thanh	1953	Xã Thọ Minh	7 năm 5 tháng	6.900.000			
20	Nguyễn Đạo Thành	1957	Xã Thọ Trường	3 năm 6 tháng	4.100.000			
21	Lê Thị Yên	1960	Xã Nam Giang	3 năm 6 tháng	4.100.000			
22	Nguyễn Thị Tuyết	1951	Xã Phú Yên	7 năm 8 tháng	7.300.000			
23	Nguyễn Thị Linh	1959	Xã Phú Yên	2 năm 11 tháng	3.300.000			
24	Trịnh Xuân Phú	1951	Xã Xuân Minh	3 năm	3.300.000			
25	Nguyễn Thị Thinh	1951	Xã Xuân Minh	3 năm	3.300.000			
26	Nguyễn Văn Chiến	Chết	Xã Xuân Bái		3.600.000	Lê Thị Liên	Vợ	
27	Lê Thị Nụ	Chết	Xã Xuân Châu		3.600.000	Vũ Xuân Hòa	Chồng	
	Cộng				162.500.000			
8	Huyện Lang Chánh							
1	Lê Văn Nội	1963	Xã Quang Hiến	4 năm 1 tháng	4.500.000			
	Cộng				4.500.000			

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
9	Huyện Hải Lộc							
1	Hồ Xuân Đề	Chết	Xã Hải Lộc		3.600.000	Hồ Thị Trang	con	1989
2	Hoàng Quốc Hưng	Chết	Xã Phú Lộc		3.600.000	Nguyễn Thị Vy	Vợ	1953
3	Lê Doãn Sơn	1963	Xã Hải Lộc	4 năm	4.100.000			
4	Mai Xuân Hiền	1963	Xã Hải Lộc	2 năm 3 tháng	2.900.000			
5	Nguyễn Thị Cảnh	1963	Xã Hải Lộc	4 năm 1 tháng	4.500.000			
6	Nguyễn Thị Tân	1957	Xã Hải Lộc	4 năm	4.100.000			
7	Nguyễn Văn Thê	1964	Xã Hải Lộc	3 năm 5 tháng	3.700.000			
8	Cao Thị Lơ	1952	Xã Quang Lộc	1 năm 5 tháng	2.500.000			
9	Tổng Thị Vân	1956	Xã Quang Lộc	4 năm 8 tháng	4.900.000			
10	Nguyễn Viết Phán	1950	Xã Liên Lộc	2 năm	2.500.000			
11	Nguyễn Thị Thu	1950	Xã Liên Lộc	2 năm	2.500.000			
12	Trịnh Văn Điền	1965	Xã Hòa Lộc	1 năm	2.500.000			
13	Trịnh Thị Mão	1951	Xã Hòa Lộc	2 năm	2.500.000			
14	Nguyễn Thị Hân	1951	Xã Hòa Lộc	1 năm 5 tháng	2.500.000			
15	Phạm Văn Thiệu	1947	Xã Hòa Lộc	1 năm	2.500.000			
16	Biện Thị Liêu	1951	Xã Hòa Lộc	1 năm 5 tháng	2.500.000			
17	Nguyễn Thị Tú	1949	Xã Phong Lộc	1 năm 5 tháng	2.500.000			
18	Phạm Minh Thứ	1945	Xã Phong Lộc	1 năm 7 tháng	2.500.000			
19	Phạm Thị Nụ	1950	Xã Hoa Lộc	1 năm	2.500.000			
20	Hà Thị Nguồn	1950	Xã Hoa Lộc	1 năm	2.500.000			
21	Vũ Thị Lài	1953	Xã Mỹ Lộc	2 năm	2.500.000			
22	Đỗ Thị Sen	1952	Xã Lộc Tân	1 năm 1 tháng	2.500.000			
	Cộng				66.400.000			
10	Huyện Nông Cống							
1	Nguyễn Thị Xinh	1959	Xã Tân Khang	6 năm	5.700.000			
2	Nguyễn Thị Thom	1961	Xã Tân Khang	4 năm	4.100.000			
3	Nguyễn Hữu Khang	1963	Xã Tân Khang	4 năm	4.100.000			
4	Lê Đình Tình	1962	Xã Hoàng Sơn	4 năm	4.100.000			
5	Đinh Thị Vụ	1961	Xã Tế Thắng	3 năm 4 tháng	3.700.000			

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Trần Thị Thanh	1956	Xã Minh Nghĩa	1 năm	2.500.000			
7	Đỗ Thị Tâm	1960	Xã Minh Nghĩa	1 năm	2.500.000			
8	Nguyễn Thị Xuyên	1958	Xã Vạn Thiện	2 năm 1 tháng	2.900.000			
9	Lê Xuân Sơn	1958	Xã Vạn Thiện	2 năm 5 tháng	2.900.000			
10	Nguyễn Thị Thu	1954	Xã Vạn Thiện	3 năm 2 tháng	3.700.000			
11	Bùi Ngọc Đông	1954	Xã Thăng Bình	2 năm 2 tháng	2.900.000			
12	Lê Thị Hành	1958	Xã Thăng Bình	2 năm 6 tháng	3.300.000			
13	Phạm Thị Vân	1962	Xã Công Liêm	3 năm	3.300.000			
14	Nguyễn Khắc Thoại	1957	Xã Thăng Thọ	3 năm	3.300.000			
15	Lê Minh Tân	1947	Xã Tân Phúc	3 năm 3 tháng	3.700.000			
16	Lê Gia Lưu	1957	Xã Tân Khang	5 năm 1 tháng	5.300.000			
17	Nguyễn Trọng Quang	1958	Xã Trung Chính	2 năm 2 tháng	2.900.000			
18	Ngô Thọ Giới	1966	Xã Vạn Thắng	2 năm	2.500.000			
19	Mạch Văn Khuyến	1957	Xã Công Liêm	7 năm 5 tháng	6.900.000			
20	Đinh Xuân Dân	1963	Xã Công Chính	3 năm	3.300.000			
21	Nguyễn Thị Toàn	1964	Xã Công Chính	2 năm	2.500.000			
22	Nguyễn Thị Tinh	1963	Xã Công Chính	2 năm	2.500.000			
23	Nguyễn Thị Nga	1960	Xã Trường Trung	2 năm	2.500.000			
24	Nguyễn Văn Ngẫu	1960	Xã Trường Trung	2 năm	2.500.000			
25	Nguyễn Hữu Tường	1959	Xã Trường Trung	3 năm 2 tháng	3.700.000			
26	Phạm Hữu Chiến	1965	Xã Tượng Văn	2 năm	2.500.000			
27	Nguyễn Thị Thu	1964	Xã Tượng Văn	2 năm	2.500.000			
28	Lê Văn Hoa	1966	Xã Tượng Văn	2 năm	2.500.000			
29	Phan Trọng Trí	1966	Xã Tượng Văn	2 năm	2.500.000			
	Cộng				97.300.000			
11	Huyện Đông Sơn							
1	Lê Trọng Hùng	1956	Xã Đông Anh	2 năm 11 tháng	3.300.000			
2	Lê Thị Bình	1957	Xã Đông Anh	2 năm 8 tháng	3.300.000			
3	Nguyễn Thị Văng	1958	Xã Đông Yên	7 năm 7 tháng	7.300.000			
4	Phùng Đình Thông	1957	Xã Đông Thịnh	7 năm 7 tháng	7.300.000			

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Hoàng Ngọc Đoánh	1955	Xã Đông Văn	12 năm 2 tháng	10.900.000			
6	Cao Thị Thạch	1963	Xã Đông Văn	3 năm 2 tháng	3.700.000			
	Cộng				35.800.000			
12	Huyện Vĩnh Lộc							
1	Nguyễn Văn Đông	1959	Xã Vĩnh Long	3 năm	3.300.000			
2	Hoàng Thanh Hạnh	1957	Xã Vĩnh Long	3 năm	3.300.000			
	Cộng				6.600.000			
13	Huyện Cẩm Thủy							
1	Nguyễn Thị Dung	1953	Xã Cẩm Bình	4 năm	4.100.000			
2	Lê Hữu Cẩn	1960	Xã Cẩm Tân	10 năm	9.300.000			
3	Mai Văn Bảy	1964	Xã Cẩm Tân	6 năm	5.700.000			
	Cộng				19.100.000			
14	Huyện Quan Sơn							
1	Mai Thị Cúc	1962	Xã Na Mèo	3 năm	3.300.000			
15	Huyện Thiệu Hóa							
1	Trần Thị Tảo	1948	Xã Thiệu Thịnh	6 năm	5.700.000			
2	Lê Thị Vinh	1955	Xã Thiệu Châu	2 năm 2 tháng	2.900.000			
	Cộng				8.600.000			
16	Huyện Ngọc Lặc							
1	Lê Thị Tính	1958	Xã Cao Thịnh	2 năm 10 tháng	3.300.000			
2	Thiều Thị Huân	1960	Xã Cao Thịnh	4 năm	4.100.000			
3	Vũ Thị Chiên	1956	Xã Cao Thịnh	3 năm	3.300.000			
	Cộng				10.700.000			